

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH SÓC TRĂNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 53 /2019/DS-ST

Ngày: 19/11/2019

“V/v tranh chấp hợp đồng góp hội”.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Nhẫn**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Nguyễn Văn Ngư**

2. Ông **Lâm Quốc Em**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Phạm Thị Cẩm Vân**, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà **Kim Thị Cẩm Hương** - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 80/2019/TLST-DS, ngày 04 tháng 6 năm 2019 về việc "Tranh chấp hợp đồng góp hội" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 146/2019/QĐXX-ST, ngày 07 tháng 10 năm 2019 và quyết định hoãn phiên tòa số 111/2019/QĐST-DS ngày 31/10/2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông **Hồ Chí T**, sinh năm 1992, địa chỉ: ấp Mương K, xã Thiện M, huyện CT, tỉnh ST(có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông **Nguyễn Văn N**, là luật sư Công ty luật TNHH PN, thuộc đoàn luật sư thành phố Cần Thơ, địa chỉ: số 26 Trần Khánh Dư, phường Xuân Khánh, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ (có mặt).

2. *Bị đơn:* Bà **Hồ Thị P** (vắng mặt) và ông **Hà Văn M** (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: ấp Mương Khai, xã Thiện M, huyện CT, tỉnh ST.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện đề ngày 08/5/2019 và lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn ông Hồ Chí T trình bày:

Vào năm 2017, do là người cùng xóm và cũng quen biết với nhau, nên vợ chồng bà Hồ Thị P và ông Hà Văn M có rủ ông tham gia góp hụi do vợ chồng bà P, ông M làm đầu thảo, ông có tham gia 01 dây hụi và góp một phần hụi. Dây hụi ông tham gia được thỏa thuận theo tháng, mỗi tháng sẽ khui một lần, dây hụi có 13 phần và số tiền của mỗi phần là 2.000.000 đồng/phần, dây hụi khui vào ngày 01/8/2017. Tính đến tháng 07 năm 2018, dây hụi đã khui được tổng cộng là 12 lần, sau đó ông đã đóng đủ số tiền của 12 lần khui, ông là người được lãnh hụi chót. Như vậy, tính đến tháng 07 năm 2018, ông đã góp với số tiền hụi sống là 2.000.000 đồng x 12 lần = 24.000.000 đồng.

Đến tháng 8 năm 2018, bà P và ông M đã tuyên bố bế hụi và không thanh toán số tiền trên cho ông, ông T đã nhiều lần yêu cầu bà P, ông M thanh toán, nhưng bà P, ông M vẫn không thiện chí trả số tiền nợ hụi nêu trên cho ông.

Nay ông Hồ Chí T khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng xem xét giải quyết buộc bà Hồ Thị P và ông Hà Văn M phải trả cho ông số tiền nợ hụi tổng cộng là 24.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

** Về thủ tục tố tụng:*

[1] Đối với bà Hồ Thị P và ông Hà Văn M là bị đơn trong vụ án, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham dự phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt mà không có lý do và không có người đại diện tham gia phiên tòa, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b Khoản 2, Điều 227 và khoản 3, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

** Về quan hệ pháp luật và yêu cầu đương sự:*

[2] Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn bà Hồ Thị P và ông Hà Văn M trả số tiền nợ hụi là 24.000.000 đồng. Do đó, quan hệ pháp luật trong vụ án này được xác định là “*Tranh chấp hợp đồng góp hụi*”.

[3] Bên cạnh yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn trong vụ án này và phía nguyên đơn có trình bày về nội dung yêu cầu phía bị đơn trả số tiền nợ hụi là 24.000.000 đồng. Hội đồng xét xử thấy rằng: Khi tham gia góp hụi, phía nguyên đơn và bị đơn đều là những người có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, việc tham gia góp hụi trên cơ sở tự nguyện của hai bên, không trái đạo đức xã hội, mục đích và nội

dung không vi phạm điều cấm của pháp luật, nên việc tham gia góp hội giữa nguyên đơn và bị đơn là có căn cứ.

[4] Xét yêu cầu của nguyên đơn thì thấy rằng: Nguyên đơn có tham gia góp hội đối với bị đơn thể hiện qua danh sách hội và biên bản hòa giải cơ sở lập ngày 23/4/2019, bị đơn M cũng đã thừa nhận còn thiếu số tiền nợ hội của nguyên đơn, nhưng không có khả năng trả nợ. Từ đó, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 471 Bộ luật dân sự 2015; Nghị định 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ về hộ, hội, biểu, phường; buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền nợ hội 24.000.000 đồng là có căn cứ theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn có ý kiến cho rằng: Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền nợ hội là 24.000.000 đồng, nên luật sư đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đồng thời buộc phía bị đơn phải trả số tiền 24.000.000 đồng cho nguyên đơn.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa có ý kiến phát biểu nhận xét về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án nhìn chung đều thực hiện đúng theo các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Hồ Chí T, buộc bị đơn bà Hồ Thị P và ông Hà Văn M phải trả cho nguyên đơn ông Hồ Chí T số tiền nợ hội là 24.000.000 đồng.

Lời đề nghị của Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn và lời đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

* Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo qui định tại khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 và Khoản 2, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội ngày 30/12/2016, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

* Về quyền kháng cáo bản án: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án này theo quy định tại các Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; khoản 1 Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Điều 30 Nghị định 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ về họ, tên, phường;

Tuyên xử:

2. Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án thì hàng tháng bị đơn còn phải trả **lãi** cho nguyên đơn mức lãi suất theo khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, đối với số tiền chậm thi hành án.

Nguyên đơn được nhận lại 600.000 đồng tiền tạm ứng án phí sơ thẩm mà nguyên đơn đã nộp theo biên lai thu tiền số 0006868 ngày 09/5/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

4